

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

PHẠM THỊ THANH THỦY

**PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI
TRONG KHU CÔNG NGHIỆP Ở VIỆT NAM**

Chuyên ngành : Luật kinh tế

Mã số : 60 38 01 07

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Hà Nội – 2016

Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội

Cán bộ hướng dẫn khoa học: PGS.TS. DOÃN HỒNG NHUNG

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ họp tại Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vào hồi: giờ ... ngày ... tháng... năm....

Có thể tìm hiểu luận văn tại

Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội

Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỤC LỤC

DANH MỤC VIẾT TẮT.....	i
DANH MỤC CÁC BẢNG	ii
MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ PHÁP LUẬT QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI TRONG KHU CÔNG NGHIỆP Ở VIỆT NAM.....	6
1.1 Tổng quan về chất thải nguy hại	6
1.1.1 Khái niệm chất thải nguy hại.....	6
1.1.2 Sự cần thiết quản lý chất thải nguy hại	9
1.2 Khái niệm pháp luật quản lý chất thải nguy hại trong khu công nghiệp.....	11
1.2.1 Khái niệm khu công nghiệp và quản lý chất thải nguy hại trong khu công nghiệp	11
1.2.2 Khái niệm pháp luật quản lý chất thải nguy hại trong khu công nghiệp.....	15
1.2.3. Nội dung pháp luật quản lý chất thải nguy hại trong KCN.....	15
1.2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến pháp luật quản lý chất thải nguy hại trong KCN	17
1.2.5. Khái quát quá trình hình thành pháp luật về quản lý chất thải nguy hại trong KCN	18
1.2.6. Kinh nghiệm pháp luật của một số quốc gia trên thế giới về quản lý chất thải nguy hại	19
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI TRONG KHU CÔNG NGHIỆP Ở VIỆT NAM.....	22
2.1. Thực trạng và trách nhiệm các bên trong hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại trong các khu công nghiệp tại Việt Nam	22
2.1.1 Kết quả thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.....	22
2.1.2 Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân	27
2.2. Khái quát hệ thống các quy định pháp luật Việt Nam về quản lý chất thải nguy hại trong khu công nghiệp	35
2.3 Thực trạng xử lý vi phạm pháp luật về quản lý chất thải nguy hại tại Việt Nam.	41

2.3.1	Thực trạng quản lý chất thải nguy hại tại Việt Nam.....	41
2.3.2	Những vấn đề tồn tại trong công tác quản lý chất thải nguy hại ở Việt Nam.....	46
2.3.3	Nguyên nhân của những khó khăn tồn tại.....	51
	CHƯƠNG 3: HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI TRONG KHU CÔNG NGHIỆP Ở VIỆT NAM.....	58
3.1	Định hướng hoàn thiện.....	58
3.2	Kiến nghị hoàn thiện	61
3.3	Giải pháp hoàn thiện.....	64
3.3.1.	Giải pháp hoàn thiện pháp luật.....	64
3.3.2.	Giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật	68
3.3.3	Giải pháp bổ trợ khác	76
	KẾT LUẬN	79
	TÀI LIỆU THAM KHẢO	81

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Cùng với sự phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, các đô thị, các ngành sản xuất, kinh doanh và dịch vụ được mở rộng và phát triển nhanh chóng, một phần đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế của đất nước, mặt khác tạo ra một số lượng lớn các loại chất thải, trong đó có một lượng đáng kể chất thải nguy hại và đặc biệt là chất thải nguy hại trong các khu công nghiệp đã và đang là nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, từ quy mô nhỏ đến ảnh hưởng quy mô rộng lớn và tác động xấu tới sức khỏe, đời sống con người và chất lượng môi trường chung.

Trước những yêu cầu cấp thiết và có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với việc bảo vệ môi trường cả về mặt lý luận và thực tiễn. Chính vì vậy tôi lựa chọn đề tài luận văn thạc sĩ của mình là: ***“Pháp luật về quản lý chất thải nguy hại trong khu công nghiệp ở Việt Nam”***.

2. Tình hình nghiên cứu

Pháp luật về quản lý chất thải nguy hại trong khu công nghiệp luôn là đề tài nóng trong những nghiên cứu ở các quốc gia trên thế giới và ở Việt Nam. Trong bối cảnh Luật bảo vệ môi trường năm 2014 mới có hiệu lực thi hành, tôi mạnh dạn chọn đề tài ***“Pháp luật về quản lý chất thải nguy hại trong khu công nghiệp ở Việt Nam”***, đề tài này có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với cuộc sống con người khi mà vấn đề ô nhiễm môi trường ngày càng trở nên nghiêm trọng. Lựa chọn đề tài này là tiếp tục nghiên cứu các công trình nghiên cứu trước đây của các học viên, bên cạnh đó cũng làm sáng tỏ một số vấn đề đó là:

- Nghiên cứu thực trạng hệ thống pháp luật về quản lý chất thải nguy hại trong khu công nghiệp ở Việt Nam hiện nay.

- Kiến nghị hướng sửa đổi, hoàn thiện pháp luật về quản lý chất thải nguy hại trong khu công nghiệp ở Việt Nam cho phù hợp với thực tế và phù hợp với xu hướng hội nhập quốc tế.

3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của Luận văn là nhằm làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn về thực trạng Pháp luật về quản lý chất thải nguy hại trong khu công nghiệp ở Việt Nam.

Để đạt được mục tiêu tổng quát trên, luận văn đưa ra những mục tiêu cụ thể sau:

- Làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về pháp luật quản lý chất thải nguy hại trong khu công nghiệp ở Việt Nam.

- Nghiên cứu thực trạng hệ thống pháp luật về quản lý chất thải nguy hại trong khu công nghiệp ở Việt Nam cũng như thực trạng thực thi pháp luật về quản lý chất thải nguy hại trong khu công nghiệp, cụ thể là các vấn đề về cấp sở chủ nguồn thải; thẩm định năng lực vận chuyên, xử lý CTNH...

- Kiến nghị hướng sửa đổi, hoàn thiện pháp luật về quản lý chất thải nguy hại trong khu công nghiệp ở Việt Nam.

4. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình tiếp cận và giải quyết những vấn đề mà luận văn đặt ra, tôi đã dựa trên đường lối quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về chính sách kinh tế - xã hội và các nội dung khác có liên quan. Đồng thời dựa vào các quy định của pháp luật hiện hành về quản lý chất thải nguy hại trong khu công nghiệp. Trong những trường hợp cụ thể sử dụng các phương pháp cụ thể: lịch sử cụ thể; phân tích tổng hợp các quy định pháp luật liên quan và thực tiễn áp dụng pháp luật về quản lý CTNH tại KCN. Đồng thời, luận văn cũng áp dụng phương pháp so sánh với kinh nghiệm của một số quốc gia thành công trong công tác quản lý CTNH tại KCN để đưa ra những giải pháp phù hợp cho Việt Nam.

5. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

5.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu chủ yếu của đề tài là các quy định pháp luật về quản lý chất thải nguy hại trong khu công nghiệp hiện hành của Việt Nam.

5.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu của đề tài tập trung chủ yếu vào pháp luật về quản lý chất thải nguy hại trong khu công nghiệp của Việt Nam hiện nay. Phân tích thực trạng của pháp luật đối với lĩnh vực quản lý chất thải nguy hại ở Việt Nam, từ đó rút ra kết luận làm cơ sở cho việc đề ra những phương hướng và giải pháp trong thời gian tới.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

- Luận văn bổ sung về mặt lý luận các khái niệm, đặc điểm, nội dung và một số yếu tố ảnh hưởng đến pháp luật về quản lý chất thải nguy hại trong khu công nghiệp ở Việt Nam.

- Đánh giá thực trạng vai trò của pháp luật trong lĩnh vực quản lý chất thải nguy hại trong khu công nghiệp, chỉ ra những kết quả đã đạt được, những hạn chế của pháp luật trong lĩnh vực quản lý chất thải nguy hại trong khu công nghiệp trong thời gian qua.

- Đề xuất phương án và giải pháp cơ bản nâng cao vai trò của pháp luật đối với việc quản lý chất thải nguy hại trong khu công nghiệp ở Việt Nam.

7. Kết cấu của luận văn

Luận văn gồm 3 chương:

Chương 1. Tổng quan về chất thải nguy hại và pháp luật về quản lý chất thải nguy hại trong khu công nghiệp.

Chương 2. Thực trạng pháp luật về quản lý chất thải nguy hại trong khu công nghiệp ở Việt Nam.

Chương 3. Hoàn thiện pháp luật về quản lý chất thải nguy hại và nâng cao hiệu quả quản lý chất thải nguy hại trong khu công nghiệp ở Việt Nam.

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ PHÁP LUẬT QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI TRONG KHU CÔNG NGHIỆP Ở VIỆT NAM

1.1 Tổng quan về chất thải nguy hại

1.1.1 Khái niệm chất thải nguy hại

Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, khái niệm chất thải nguy hại được rút gọn tại Khoản 13 Điều 3 như sau:

“13. Chất thải nguy hại là chất thải chứa yếu tố độc hại, phóng xạ, lây nhiễm, dễ cháy, dễ nổ, gây ăn mòn, gây ngộ độc hoặc có đặc tính nguy hại khác.”

Qua định nghĩa trên cho thấy đặc tính của chất thải nguy hại cũng như tác hại nguy hiểm của các chất thải này đối với con người.

1.2 Khái niệm pháp luật quản lý chất thải nguy hại trong khu công nghiệp

1.2.1 Khái niệm khu công nghiệp và quản lý chất thải nguy hại trong khu công nghiệp

Khái niệm khu công nghiệp gắn liền với quá trình mở cửa kinh tế của Việt Nam. Theo điều 2 - Quy chế Khu công nghiệp được Chính phủ thông qua theo Nghị định số 192-CP ngày 28/12/1994 định nghĩa:

“Khu công nghiệp quy định trong Quy chế này là Khu công nghiệp tập trung do Chính phủ quyết định thành lập, có ranh giới địa lý xác định, chuyên sản xuất công nghiệp và thực hiện các dịch vụ hỗ trợ sản xuất công nghiệp, không có dân cư sinh sống”.

Theo Khoản 11 Điều 3 Luật Đầu tư năm 2014 định nghĩa: *Khu công nghiệp là khu vực có ranh giới địa lý xác định, chuyên sản xuất hàng công nghiệp và thực hiện dịch vụ cho sản xuất công nghiệp.*

Như vậy, có thể ghi nhận, khu công nghiệp là một khu vực địa lý có ranh giới cụ thể, mà ở đó các doanh nghiệp được tập trung lại theo một quy hoạch hoàn chỉnh để chuyên sản xuất hàng công nghiệp và dịch vụ sản xuất công nghiệp.

Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 ghi nhận *“Quản lý chất thải là quá trình phòng ngừa, giảm thiểu, giám sát, phân loại, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải”*. Theo đó, nội dung quản lý chất thải nguy hại phải là một

phần trong tổng thể quy hoạch bảo vệ môi trường, cụ thể nhấn mạnh các nội dung như: (1) Đánh giá, dự báo nguồn phát thải nguy hại và lượng phát thải; (2) Khả năng thu gom, phân loại tại nguồn; (3) Khả năng tái sử dụng, tái chế và thu hồi năng lượng; (4) Vị trí, quy mô điểm thu gom, tái chế và xử lý; (5) Công nghệ xử lý chất thải nguy hại...

1.2.2 Khái niệm pháp luật quản lý chất thải nguy hại trong khu công nghiệp

Về lý luận, pháp luật là hệ thống các quy tắc hành vi, quy tắc xử sự do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận, được Nhà nước đảm bảo thực hiện nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội phù hợp với lợi ích của giai cấp mình. Khái niệm pháp luật được thể hiện rõ nét hơn bởi các khái niệm liên quan mà cốt lõi nhất là các quy phạm pháp luật. Theo đó, Quy phạm pháp luật là những quy tắc xử sự do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận nhằm điều chỉnh các quan hệ pháp luật phát sinh trong đời sống xã hội.

Như vậy, pháp luật quản lý chất thải nguy hại trong khu công nghiệp là những quy phạm được phân loại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, là tổng thể những quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành, thừa nhận nhằm điều chỉnh nội dung và trình tự trong quy trình quản lý chất thải nguy hại với giới hạn điều chỉnh là phạm vi giới hạn các khu công nghiệp trên lãnh thổ Việt Nam.

Việc ban hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 được coi là một bước quan trọng hoàn thiện pháp luật về hoạt động quản lý chất thải nguy hại trong các khu công nghiệp ở Việt Nam. Theo đó, Luật đã bổ sung các quy phạm pháp luật cụ thể trong lĩnh vực này như: bổ sung quy định mọi loại chất thải phải được quản lý từ khi phát sinh, giảm thiểu, phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý; các tổ chức, cá nhân có các hoạt động giảm thiểu phát thải, tái chế, tái sử dụng chất thải được hưởng chính sách ưu đãi của Nhà nước; quy định trách nhiệm của các chủ đầu tư khu công nghiệp, khu chế xuất trong quản lý chất thải; để khắc phục những mặt trái trong quản lý chất thải nguy hại trong thời gian vừa qua, Luật đã đưa ra 6 nguyên tắc trong quản lý chất thải nguy hại; quy định bổ sung các điều kiện hành nghề xử lý chất thải nguy hại...

1.2.3. Nội dung pháp luật quản lý chất thải nguy hại trong KCN

Về quản lý đối với chủ nguồn thải CTNH

Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 hiện nay đã quy định việc quản lý của cơ quan nhà nước đối với các chủ nguồn thải CTNH thông qua sổ đăng ký với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/TP trực thuộc trung ương. Thủ tục đăng ký chủ nguồn thải được thực hiện một lần (không gia hạn, điều chỉnh) khi bắt đầu có hoạt động phát sinh CTNH. Sau khi được cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải, thông tin về chất thải được cập nhật bằng báo cáo quản lý CTNH định kỳ.

Về quản lý với tổ chức, cá nhân thu gom, vận chuyển CTNH

Hiện nay, việc thu gom, vận chuyển CTNH chỉ được thực hiện bởi các tổ chức, cá nhân có Giấy phép xử lý chất thải nguy hại. Để được cấp giấy phép này, đơn vị phải có báo cáo đánh giá tác động môi trường được Bộ Tài nguyên và môi trường phê duyệt đối với dự án đầu tư cơ sở xử lý chất thải nguy hại. Đồng thời, địa điểm của cơ sở phải nằm trong quy hoạch có nội dung về quản lý, xử lý chất thải do cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh trở lên phê duyệt.

Về quản lý với chủ xử lý CTNH

Chủ xử lý CTNH trước hết phải có Giấy phép xử lý CTNH đồng thời ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH với các chủ nguồn thải CTNH. Hiện nay, quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 yêu cầu các chủ xử lý CTNH phải áp dụng tiêu chuẩn quốc gia về hệ thống quản lý môi trường (TCVN ISO 14001) trong thời hạn 02 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép xử lý CTNH. Tương tự như các đơn vị thu gom, vận chuyển CTNH, thì hoạt động của chủ xử lý CTNH cũng yêu cầu lập, sử dụng, lưu trữ và quản lý chứng từ CTNH và các hồ sơ liên quan, Ngoài ra, còn cần thực hiện kế hoạch kiểm soát ô nhiễm môi trường và phục hồi môi trường khi chấm dứt hoạt động.

1.2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến pháp luật quản lý chất thải nguy hại trong KCN

Yếu tố năng lực tài chính

Việc đầu tư hệ thống xử lý CTNH hiện nay tốn kém chi phí rất lớn, đặc biệt khó khăn với các doanh nghiệp nhỏ và vừa khi năng lực tài chính có hạn. Mặc dù, chi phí này là chi phí ban đầu và sẽ giúp Doanh nghiệp giảm chi phí xử lý chất thải, có

biện pháp phòng ngừa, khắc phục sự cố môi trường và giúp nâng cao hiệu quả sản xuất sau này, tuy nhiên việc quyết định có đầu tư một hệ thống xử lý CTNH hiệu quả và áp dụng công nghệ đảm bảo thân thiện môi trường thì đối với bất cứ nhà đầu tư nào cũng khá khó khăn.

Yếu tố năng lực công nghệ

Hiện nay, các cơ sở tái chế CTNH ở Việt Nam đều có quy mô nhỏ, mức độ đầu tư công nghệ không cao do chi phí tài chính quá cao, đa số công nghệ được sử dụng đều trong tình trạng lạc hậu, máy móc thiết bị cũ, gây ô nhiễm môi trường thứ cấp.

1.2.5. Khái quát quá trình hình thành pháp luật về quản lý chất thải nguy hại trong KCN

Từ năm 1997, Chính phủ đã quan tâm tới hoạt động quản lý chất thải nguy hại trong KCN, cụ thể, ngày 3/4/1997, đã ban hành Chỉ thị số 199/TTg về các biện pháp khẩn cấp để quản lý chất thải rắn ở vùng đô thị và khu công nghiệp.

Năm 1999, Chính phủ đã xây dựng thành công Chiến lược quốc gia về quản lý chất thải rắn ở KCN và đô thị đến năm 2020 và được phê duyệt theo Quyết định số 152/1999/QĐ-TTg ngày 10/7/1999. Tiếp đó, Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường đã ban hành Quyết định số 60/2002/QĐ-BKHCMNT ngày 7/8/2002 về ban hành Hướng dẫn kỹ thuật chôn lấp chất thải nguy hại.

Trong giai đoạn từ năm 2005 đến năm 2014, hàng loạt văn bản trong lĩnh vực này được ban hành trên cơ sở Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 như: Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 9/4/2007 về quản lý chất thải rắn; Quyết định số 2149/2009/QĐ-TTg ngày 17/12/2009 phê duyệt Chiến lược quốc gia về quản lý chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn tới năm 2050; Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 quy định về quản lý chất thải nguy hại.

Từ năm 2014 tới nay, trên cơ sở Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 được ban hành, Chính phủ và Bộ Tài nguyên và Môi trường tiếp tục điều chỉnh các quy định về quản lý CTNH trong KCN theo hướng rõ ràng hơn. Cụ thể, như Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015; Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015...

1.2.6. Kinh nghiệm pháp luật của một số quốc gia trên thế giới về quản lý chất thải nguy hại

Kinh nghiệm của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc)

Về pháp luật hình sự, trải qua các lần sửa đổi, bổ sung thì các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường nói chung và hành vi vi phạm quy định về quản lý CTNH nói riêng cũng được pháp luật hình sự Trung Quốc quy định trong một mục riêng là Mục 6: Tội phá hoại tài nguyên môi trường thuộc Chương VI: Tội xâm phạm trật tự quản lý xã hội trong phần các tội phạm. Mục này quy định 9 điều luật từ Điều 338 đến Điều 346. Hành vi vi phạm quy định về quản lý CTNH được quy định trong Điều 338 của bộ luật này.

Kinh nghiệm của Cộng hòa Singapore

Nhìn chung, hệ thống quản lý chất thải tổng hợp của Singapore tập trung vào 3 lĩnh vực: thu gom, tái sinh và xử lý chất thải.

Những chiến lược nòng cốt trong sự phát triển bền vững của hệ thống quản lý chất thải của Singapore bao gồm:

- Giảm thiểu tối đa khối lượng chất thải thông qua việc cắt giảm, tái sử dụng và tái chế (trên 50% chất thải được tái chế tại Singapore)
- Hướng đến mục tiêu loại bỏ hình thức chôn lấp.
- Phát triển ngành công nghiệp quản lý chất thải và biến Singapore thành trung tâm của công nghệ quản lý chất thải trong khu vực.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI TRONG KHU CÔNG NGHIỆP Ở VIỆT NAM

2.1. Thực trạng và trách nhiệm các bên trong hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại trong các khu công nghiệp tại Việt Nam

2.1.1 *Kết quả thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại*

Đến tháng 6 năm 2015, trên toàn quốc có 83 doanh nghiệp với 56 đại lý có địa bàn hoạt động từ hai tỉnh trở lên đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép và khoảng 130 đơn vị (chủ yếu là đơn vị vận chuyển chất thải nguy hại) do các địa phương cấp phép đang hoạt động. Riêng công suất xử lý chất thải nguy hại của các cơ sở được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép là khoảng 1.300 nghìn tấn/năm. Với số lượng và công suất xử lý như vậy, các cơ sở này trong thời gian qua đã đóng vai trò chính trong việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (bao gồm cả chất thải điện tử) đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành. Tổng số lượng chất thải nguy hại mà các đơn vị này thu gom, xử lý được trong năm 2012 là 165.624 tấn; năm 2013 là 186.657 tấn; năm 2014 là 320.275 tấn. Căn cứ vào khối lượng chất thải phát sinh này, tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải nguy hại hiện nay chiếm khoảng gần 40% tổng lượng chất thải nguy hại phát sinh trên toàn quốc.

Hiện nay, hầu hết các Doanh nghiệp xử lý chất thải nguy hại là các doanh nghiệp tư nhân (chiếm 97%) tổng số Doanh nghiệp xử lý chất thải nguy hại do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép hoạt động. Việc phát triển mạnh các doanh nghiệp tư nhân hoạt động theo cơ chế thị trường giúp cho hoạt động quản lý chất thải mang tính cạnh tranh cao, đảm bảo quyền lợi cho các chủ nguồn thải có chất thải nguy hại cần chuyển giao có thể chọn lựa và tiếp cận với các Doanh nghiệp xử lý chất thải nguy hại với kinh nghiệm và dịch vụ khác nhau, tránh tình trạng độc quyền và ép giá xử lý chất thải nguy hại.

Tình hình phát sinh

Báo cáo môi trường quốc gia năm 2009 về môi trường khu công nghiệp Việt Nam cho thấy hiện trạng ô nhiễm môi trường tại các KCN ở Việt Nam hiện nay có xu hướng gia tăng và diễn biến nghiêm trọng. Trong đó, đối với chất thải rắn, khối lượng

từ các KCN có chiều hướng gia tăng, tập trung nhiều nhất tại các KCN vùng KTTĐ Bắc Bộ và vùng KTTĐ phía Nam. Thành phần chất thải rắn nguy hại chiếm khoảng 20%, tỷ lệ chất thải rắn có thể tái chế hoặc tái sử dụng khá cao. Hiện nay, vấn đề thu gom, vận chuyển và tái chế, tái sử dụng chất thải rắn tại các KCN còn nhiều bất cập, đặc biệt đối với việc quản lý, vận chuyển và đăng ký nguồn thải đối với chất thải nguy hại.

Phần lớn chất thải nguy hại được phát sinh từ các hoạt động sản xuất công nghiệp. Tổng lượng chất thải nguy hại do Công ty Môi trường đô thị URENCO Hà Nội thu gom trong 1 tháng (của năm 2009) là khoảng 2.700 tấn/tháng, trong đó số lượng chất thải nguy hại có nguồn gốc từ hoạt động sản xuất công nghiệp (dầu thải, dung môi, bùn thải, dung dịch tẩy rửa, bao bì hóa chất, giẻ dàu, pin, acquy, thùng phi...) đã là 2.100 tấn/tháng. Điều đó chứng tỏ tỷ lệ chất thải nguy hại phát sinh từ sản xuất công nghiệp (các ngành điện tử, sản xuất hóa chất, lắp ráp thiết bị cao cấp...) cao hơn nhiều so với các ngành lĩnh vực khác.

Theo quy hoạch được duyệt, tất cả các KCN phải có khu vực phân loại và trung chuyển chất thải rắn. Tuy nhiên, rất ít KCN triển khai hạng mục này. Điều này đã khiến cho công tác quản lý chất thải rắn ở các KCN gặp không ít khó khăn. Việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại từ các KCN của các doanh nghiệp đã được cấp phép hành nghề vẫn còn nhiều vấn đề.

Tình hình thu gom, vận chuyển

Tỷ lệ thu gom chất thải rắn công nghiệp khá cao, đạt trên 90% khối lượng chất thải rắn công nghiệp phát sinh. Tỷ lệ này đạt được do chủ nguồn thải xác định và có đăng ký với Ban quản lý khu công nghiệp. Hầu hết các cơ sở trong khu công nghiệp ký hợp đồng với các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực thu gom, vận chuyển chất thải, chiếm tỷ lệ 74,2%; các cơ sở bán chất thải có giá trị kinh tế chiếm tỷ lệ 18%; một số cơ sở thực hiện nghiền nát chất thải làm nguyên liệu đun.

Thực tế, còn tồn tại hiện tượng các chất thải không có giá trị kinh tế được thu gom và đổ lẫn với chất thải sinh hoạt thậm chí còn lẫn cả với chất thải nguy hại, gây khó khăn cho quá trình thu gom, xử lý. Tại nhiều khu công nghiệp chưa có điểm tập trung thu gom chất thải rắn theo quy định.

Tình hình xử lý

Hiện nay, trong cả nước đang rất thiếu các khu xử lý chất thải rắn công nghiệp, đặc biệt là khu xử lý chất thải trung quy mô lớn. Ngoài ra, có một số cơ sở sản xuất công nghiệp ngoài cụm công nghiệp, khu công nghiệp hợp đồng với các tổ chức, cá nhân không có chức năng thu gom, vận chuyển, dẫn đến việc đổ chất thải không đúng nơi quy định, gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến sức khỏe người dân.

Việc tái chế, tái sử dụng chất thải rắn công nghiệp diễn ra khá phổ biến chủ yếu là tự phát tại các cơ sở công nghiệp.

2.1.2 Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân

Trách nhiệm của cơ quan nhà nước:

Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 đặt ra những quy định khá cụ thể về trách nhiệm của các cơ quan chủ quản ở Trung ương và địa phương nơi có Khu công nghiệp – Khu chế xuất trong việc thu gom, xử lý chất thải nguy hại, cụ thể:

- Chính phủ, Bộ Tài nguyên Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án trong Khu công nghiệp – Khu chế xuất trên địa bàn;

- Chính phủ, Bộ Tài nguyên Môi trường có trách nhiệm trong việc xây dựng quy hoạch thu gom, xử lý Chất thải nguy hại; đồng thời xây dựng chiến lược, kế hoạch hành động bảo vệ môi trường các Khu công nghiệp – Khu chế xuất;

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; cấp huyện có trách nhiệm trong việc cấp phép, kiểm tra quy trình thu gom, xử lý CTNH ở các KCN-KCX trên địa bàn; triển khai chiến lược, kế hoạch bảo vệ môi trường các KCN-KCX đã được thông qua; tổ chức quan trắc môi trường, giải quyết các vụ việc vi phạm môi trường...

Đặc biệt, vai trò của Tổng Cục Môi trường và Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh/thành phố đóng vai trò quan trọng trong hoạt động này. Cụ thể, theo Thông tư 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 về quản lý chất thải nguy hại:

Tổng cục Môi trường – Bộ Tài nguyên Môi trường có trách nhiệm:

- Quản lý, kiểm tra điều kiện, hoạt động và các hồ sơ, hợp đồng, báo cáo, chứng từ liên quan đến các tổ chức, cá nhân có Giấy phép xử lý CTNH hoặc Giấy phép quản lý CTNH do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp.

- Sao gửi Giấy phép xử lý CTNH hoặc Quyết định thu hồi Giấy phép do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp đến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Sở Tài nguyên và Môi trường nơi có địa điểm cơ sở xử lý được cấp phép và công khai thông tin trên trang thông tin điện tử do Tổng cục Môi trường quản lý;

- Tổ chức xây dựng và vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về CTNH; tổ chức, hướng dẫn việc triển khai đăng ký chủ nguồn thải, kê khai chứng từ CTNH và báo cáo quản lý CTNH trực tuyến; tổ chức việc tăng cường sử dụng hệ thống thông tin hoặc thư điện tử để thông báo, hướng dẫn, trao đổi với tổ chức, cá nhân trong quá trình cấp Giấy phép xử lý CTNH.

Đối với hoạt động quản lý CTNH trong phạm vi KCN thì Ban quản lý các khu kinh tế, khu công nghiệp tại từng địa phương phải có trách nhiệm trong hoạt động quản lý xử lý CTNH trong các KCN thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý của Ban. Cụ thể, Điều 14 Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 có quy định trách nhiệm của Ban Quản lý các khu kinh tế, khu công nghiệp.

Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

Căn cứ Điều 90 và Điều 91 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, chủ nguồn thải chất thải nguy hại phải lập hồ sơ về chất thải nguy hại và đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường cấp tỉnh, đồng thời phải tổ chức phân loại, thu gom, lưu giữ và xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

Căn cứ theo Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 về quản lý chất thải và phế liệu, trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải nguy hại.

Trách nhiệm của chủ cơ sở xử lý chất thải nguy hại:

Để có thể xử lý CTNH, chủ xử lý chất thải phải có Giấy phép xử lý chất thải nguy hại - là giấy phép cấp cho chủ xử lý chất thải nguy hại để thực hiện dịch vụ xử lý, tái chế, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ chất thải nguy hại (có thể bao gồm hoạt động vận chuyển, trung chuyển, lưu giữ, sơ chế). Theo Điều 9 Nghị định số 38/2015/NĐ - CP ngày 24/4/2015, giấy phép xử lý chất thải nguy hại được cấp khi chủ cơ sở xử lý chất thải đảm bảo 10 điều kiện trong đó có các điều kiện liên quan tới cơ sở vật chất...

Trách nhiệm của doanh nghiệp KCN

Căn cứ Điều 10 Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 quy định về quản lý chất thải nguy hại phát sinh trong khu công nghiệp, doanh nghiệp KCN có

trách nhiệm quản lý và đôn đốc các doanh nghiệp trong KCN phải phân loại chất thải rắn thông thường, chất thải y tế và chất thải nguy hại; tự xử lý hoặc ký hợp đồng thu gom, xử lý với đơn vị có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, trách nhiệm của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN còn được ghi nhận tại Điều 15 Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015.

Trách nhiệm của người dân

Trước khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có các biện pháp bảo vệ hữu hiệu thì công dân phải tự bảo vệ quyền này của mình thông qua các hành vi hợp pháp. Một trong những hành vi thường được sử dụng trong xã hội nước ta hiện nay là tố cáo, khởi kiện những hành vi gây tổn hại đối với môi trường, ảnh hưởng tới sức khỏe, sinh hoạt của người dân.

2.2. Khái quát hệ thống các quy định pháp luật Việt Nam về quản lý chất thải nguy hại trong khu công nghiệp

Hiện nay, đối với vấn đề quản lý chất thải nguy hại trong khu công nghiệp, Quốc hội và Chính phủ đã xây dựng một khung pháp lý cơ bản với: Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ ban hành quy định về hoạt động quản lý chất thải rắn, quyền hạn và trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức liên quan đến Quản lý CTNH; Nghị định số 179/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 5 tháng 9 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường Quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 2149/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1440/2008/QĐ-TTg ngày 6 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt kế hoạch các cơ sở xử lý chất thải tại ba vùng kinh tế trọng điểm miền Bắc, Trung, Nam đến năm 2020.

- Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 quy định về quản lý chất thải nguy hại;

- Thông tư số 13/2007/TT-BXD ngày 31/12/2007 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số điều của Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 9/4/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn.

- Quyết định số 60/2002/QĐ-BKHCNMT ngày 7/8/2002 của Bộ trưởng Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường về việc ban hành Hướng dẫn kỹ thuật chôn lấp chất thải nguy hại

- Thông tư liên Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường và Bộ Xây dựng số 01/2001/TTLT-BKHCNMT-BXD ngày 18 tháng 1 năm 2001 hướng dẫn các quy định về bảo vệ môi trường đối với việc chọn lựa địa điểm, xây dựng và vận hành bãi chôn lấp chất thải rắn:

- Thông tư số 121/2008/TT-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế ưu đãi và hỗ trợ tài chính đối với hoạt động đầu tư cho quản lý chất thải rắn:

Khung pháp lý hiện nay không thể thiếu các quy chuẩn kỹ thuật đối với chất thải rắn nguy hại phát sinh trong hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp trong KCN như:

- QCVN 07:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại:

- QCVN 30:2012/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải lò đốt chất thải công nghiệp:

- QCVN 41: 2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đồng xử lý chất thải nguy hại trong lò nung xi măng:

- TCXDVN 261-2001: Bãi chôn lấp chất thải rắn, Tiêu chuẩn thiết kế

- TCVN 6696-2000: Chất thải rắn – Bãi chôn lấp hợp vệ sinh – các yêu cầu về môi trường

- TCVN 6706-2009: Chất thải nguy hại - Phân loại

- TCXDVN 320:2004 bãi chôn lấp chất thải nguy hại - tiêu chuẩn thiết kế.

- Thông tư 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao .

2.3 Thực trạng xử lý vi phạm pháp luật về quản lý chất thải nguy hại tại Việt Nam

2.3.1 Thực trạng quản lý chất thải nguy hại tại Việt Nam

Hiện cả nước có 15 khu đô thị, 298 khu công nghiệp và 878 cụm công nghiệp, đã góp phần phát triển kinh tế, xã hội, giá trị sản xuất công nghiệp bình quân trên 1 ha đất đã cho thuê đạt khoảng 1,6 triệu USD/ha/năm, các khu công nghiệp cũng đang tạo việc làm cho 1,6 triệu lao động trực tiếp và gần 1,8 triệu lao động gián tiếp. Tuy nhiên, việc hình thành và phát triển các KCN còn đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết, đặc biệt là vấn đề ô nhiễm môi trường do rác thải nguy hại từ các KCN.

Tổng lượng chất thải rắn trung bình của cả nước đã tăng từ 25.000 tấn/ngày (năm 1999) lên khoảng 30.000 tấn/ngày (năm 2005), trong đó lượng chất thải rắn từ hoạt động công nghiệp cũng có xu hướng gia tăng, phần lớn tập trung tại các KCN ở vùng KTTĐ Bắc Bộ và vùng KTTĐ phía Nam.

Theo báo cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố, năm 2011 mỗi ngày các KCN nước ta thải ra khoảng 8000 tấn chất thải rắn (CTR), tương đương khoảng ba triệu tấn một năm. Tuy nhiên, lượng CTR đang tăng lên cùng với việc gia tăng tỷ lệ lấp đầy các KCN, nếu như tính trung bình cả nước, năm 2005 - 2006, một ha diện tích đất cho thuê phát sinh CTR khoảng 134 tấn/năm, thì đến năm 2008 - 2009, con số này đã tăng lên 204 tấn/năm (tăng 50%).

Tính đến tháng 6/2015, trên toàn quốc đã có 83 doanh nghiệp với 56 đại lý thu gom rác có địa bàn hoạt động từ hai tỉnh trở lên được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép và khoảng 130 đơn vị do các địa phương cấp phép hoạt động. Trong đó, riêng công suất xử lý chất thải nguy hại được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép là khoảng 1.300 nghìn tấn/năm.

Trên cơ sở các quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Chính phủ ban hành các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong từng lĩnh vực cụ thể. Vấn đề xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường tại khu công nghiệp không có văn bản pháp luật điều chỉnh riêng biệt mà căn cứ theo quy định chung về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường tại Nghị định số 179/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013.

Hoạt động thanh tra, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường được tăng cường từ Trung ương đến địa phương.

Bên cạnh việc thanh tra mạnh mẽ của ngành tài nguyên là sự vào cuộc của lực lượng cảnh sát môi trường.

2.3.2 Những vấn đề tồn tại trong công tác quản lý chất thải nguy hại ở Việt Nam

- Về nhân lực: Lực lượng cán bộ quản lý chuyên trách của các tỉnh thành phố và ngay tại Trung ương còn khá mỏng

- Các cơ sở xử lý chất thải nguy hại được cấp phép nhìn chung còn ở quy mô vừa và nhỏ, chưa có cơ sở lớn ở quy mô vùng được đầu tư tập trung đầy đủ về mặt công nghệ và công suất xử lý để xử lý các loại chất thải nguy hại khác nhau.

- Công nghệ xử lý chất thải nguy hại của nước ta hiện nay chưa hiện đại, dựa chủ yếu vào công nghệ đốt, không tiết kiệm được năng lượng cũng như có khả năng gây ô nhiễm thứ cấp nếu như các công trình bảo vệ môi trường liên quan hoạt động thiếu hiệu quả.

- Nguồn nhân lực có chuyên môn về quản lý chất thải nguy hại hiện còn mỏng và chỉ tập trung tại các tỉnh, thành phố lớn dẫn đến nhiều bất cập trong vấn đề thực thi các văn bản pháp lý tại các địa phương, đặc biệt là tại các tỉnh vùng sâu, vùng xa...

- Đầu tư tài chính cho quản lý chất thải nguy hại chưa tương xứng

- Công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường

- Việc tổ chức triển khai quy hoạch quản lý chất thải rắn đã phê duyệt tại các địa phương còn chậm

- Đầu tư cho công tác quản lý chất thải rắn còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế.

- Mặc dù đã có quy định trong việc xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường trong đó có việc xử lý chất thải rắn, tuy nhiên quá trình để triển khai vay vốn thực hiện các dự án xử lý chất thải rắn còn nhiều thủ tục và khó khăn, số dự án xử lý chất thải rắn được vay từ các nguồn vốn ưu đãi là rất ít.

- Việc xây dựng các bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt hợp vệ sinh, các cơ sở xử lý tập trung chất thải công nghiệp đòi hỏi phải có vốn đầu tư rất lớn, nhiều địa phương không đủ nguồn vốn đầu tư cho việc xử lý chất thải rắn tập trung.

- Công tác cập nhật thường xuyên các số liệu về tình hình phát sinh, tính chất, thành phần, loại chất thải rắn phải xử lý gặp rất nhiều khó khăn do vậy dẫn đến khó khăn trong việc quản lý chất thải rắn.

- Phương pháp xử lý chất thải rắn là chôn lấp không hợp vệ sinh gây ô nhiễm môi trường, làm phát sinh và gia tăng khí mê-tan (một loại khí nhà kính), đồng thời tốn nhiều quỹ đất, không tận dụng được các loại chất thải rắn có khả năng tái chế, tái sử dụng.

- Hiện nay, chưa có địa phương nào có mô hình xử lý chất thải rắn sinh hoạt hoàn thiện đạt được cả các tiêu chí về kỹ thuật, kinh tế, xã hội và môi trường.

- Việc quản lý chất thải rắn chưa phù hợp với xu thế tái sử dụng, tái chế trên thế giới.

- Hầu hết công nghệ xử lý chất thải rắn nhập khẩu không phù hợp với thực tế chất thải rắn tại Việt Nam chưa được phân loại tại nguồn, nhiệt trị của chất thải rắn sinh hoạt thấp, độ ẩm của không khí cao,...

- Thiết bị, công nghệ xử lý chất thải rắn chế tạo trong nước chưa đồng bộ, chưa hoàn thiện, nên chưa thể phổ biến và nhân rộng.

- Nhà nước chưa có định hướng về sử dụng công nghệ, chưa có tiêu chí lựa chọn thiết bị, công nghệ.

2.3.3 Nguyên nhân của những khó khăn tồn tại

- Thứ nhất, khung pháp lý hiện hành chưa triển khai triệt để việc phân công trách nhiệm giữa cơ quan quản lý và đơn vị thực hiện.

- Thứ hai, trách nhiệm của các bên về bảo vệ môi trường nói chung và giải quyết vấn đề chất thải nguy hại trong KCN còn nhiều bất cập.

- Thứ ba, công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát môi trường của KCN chưa thực sự hiệu quả.

- Thứ tư, sự thiếu trách nhiệm của các doanh nghiệp hoạt động trong KCN.

- Thứ năm, cơ chế, chính sách, pháp luật bảo vệ môi trường còn nhiều hạn chế, bất cập.

- Thứ sáu, cơ quan có thẩm quyền bảo vệ môi trường KCN chưa nhận thức đầy đủ và quan tâm đúng mức tới công tác bảo vệ môi trường.

- Thứ bảy, công tác tuyên truyền, giáo dục còn hạn chế, chưa phát huy được hiệu quả.

CHƯƠNG 3: HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI TRONG KHU CÔNG NGHIỆP Ở VIỆT NAM

3.1 Định hướng hoàn thiện

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện các quy định về quản lý chất thải rắn nguy hại trong KCN; thống nhất các quy định bằng những quy định cụ thể trong Luật Bảo vệ môi trường; Luật Đầu tư... Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn về quản lý KCN cần có những quy định thể hiện rõ trách nhiệm của các bên liên quan trong hoạt động vận chuyển; xử lý chất thải rắn nguy hại trong KCN.

Thứ hai, tiếp tục hoàn thiện quy định về xử lý chất thải nguy hại trong KCN. Trong đó, nhấn mạnh việc tiếp tục ban hành các thông tư hướng dẫn về trình tự giải quyết các vụ việc có liên quan tới công tác xử lý chất thải rắn nguy hại tại hệ thống các KCN; phân định trách nhiệm giữa các bên trong quy trình xử lý chất thải rắn cũng như tiêu chuẩn của đơn vị chủ nguồn thải; vận chuyển và xử lý. Vì vậy các quy phạm pháp luật ban hành phải tính tới đặc thù của KCN.

3.2 Kiến nghị hoàn thiện

Thứ nhất, cần tiếp tục hoàn thiện các quy định đề cao và bảo đảm quyền được sống trong môi trường đã được đề cập trong Hiến pháp và Luật BVMT.

Thứ hai, tăng cường vai trò quản lý Nhà nước

Thứ ba, cần tiếp tục tăng cường nhận thức của doanh nghiệp và các đơn vị quản lý, xử lý, vận chuyển chất thải nguy hại trong KCN trong việc tuân thủ các nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý liên quan trong quy trình quản lý chất thải nguy hại.

3.3 Giải pháp hoàn thiện

3.3.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật

Thứ nhất, cần tiếp tục kiện toàn hệ thống tổ chức phục vụ công tác bảo vệ môi trường từ Trung ương đến địa phương theo Luật bảo vệ môi trường năm 2014 trong đó nhấn mạnh vai trò của các cơ quan quản lý nhà nước trong hoạt động vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại trong các khu vực KCN.

Thứ hai, cần tiếp tục rà soát, quy định rõ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân từ cấp tỉnh tới cấp huyện, cấp xã; trách nhiệm các cơ quan chuyên môn; trách nhiệm của

tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội-ngành nghiệp; trách nhiệm của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; trách nhiệm của cộng đồng dân cư trong công tác quản lý chất thải.

Thứ ba, tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng các văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 về quản lý chất thải và phế liệu và các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan đến lĩnh vực quản lý chất thải.

Thứ tư, cần triển khai hiệu quả công cụ pháp lý trong công tác quản lý chất thải: xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở xử lý chất thải rắn nguy hại, cơ sở xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường trước khi hoạt động.

Thứ năm, cần nghiên cứu xây dựng các cơ chế chính sách ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích thu gom, vận chuyển và đầu tư cơ sở xử lý chất thải phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế-xã hội địa phương.

3.3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật

Thứ nhất, cần đẩy mạnh tuyên truyền, giới thiệu nội dung về quản lý chất thải quy định tại Luật bảo vệ môi trường năm 2014 và Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 về quản lý chất thải và phế liệu rộng rãi tới các cấp, các ngành, các doanh nghiệp, các khu công nghiệp, cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân...

Thứ hai, tăng cường trao đổi, tham quan, học tập kinh nghiệm trong triển khai công tác quản lý chất thải, chú trọng đến tính khả thi, sự phù hợp khi triển khai áp dụng cùng mô hình xử lý chất thải giữa các địa phương..

Thứ ba, nghiên cứu đưa nội dung giáo dục môi trường trong đó có quản lý chất thải vào chương trình phổ biến và giáo dục pháp luật tại các cơ quan quản lý nhà nước cũng như các doanh nghiệp sản xuất.

- Giải pháp về đầu tư và tài chính
- Giải pháp về giám sát, kiểm tra, thanh tra
- Giải pháp về đẩy mạnh hợp tác quốc tế, tăng cường trao đổi và hợp tác kỹ thuật với các tổ chức quốc tế

3.3.3 Giải pháp bổ trợ khác

Thứ nhất, cần tập huấn chuyên sâu để nâng cao trình độ chuyên môn, bồi dưỡng đạo đức cho các chủ thể có thẩm quyền xử lý các vi phạm pháp luật về quản lý chất thải nguy hại trong KCN.

Thứ hai, tăng cường vai trò của Ban quản lý Khu công nghiệp.

KẾT LUẬN

Sản phẩm của nền công nghiệp đem lại những lợi ích trong cuộc sống hiện đại. Nhưng song song với mặt tốt của hàng hoá là mặt trái của nó khi sản xuất công nghiệp phát sinh hàng trăm triệu tấn chất thải mỗi năm. Các chất thải này chứa các phụ phẩm hoá học, các yếu tố có tính nguy hại cho sức khoẻ con người và môi trường vì chúng có độc tính, độc hại sinh thái, dễ cháy nổ, ăn mòn hoặc gây nhiễm trùng. Chất thải nguy hại là chất thải chứa yếu tố độc hại, phóng xạ, dễ cháy, dễ nổ, dễ ăn mòn, dễ lây nhiễm, gây ngộ độc hoặc đặc tính nguy hại khác, là những dạng chất thải có ảnh hưởng tiêu cực nhất tới đời sống con người và tác động xấu tới môi trường.

Pháp luật hiện hành đã xây dựng những quy định nhằm điều chỉnh về trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp trong quy trình phát thải; quản lý chất thải nguy hại; xử lý và vận chuyển chất thải rắn nguy hại trong KCN. Các quy định hướng dẫn trong lĩnh vực này như Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 đã và đang đóng góp tích cực trong thực tiễn quản lý chất thải rắn nguy hại hiện nay, góp phần giảm thiểu những tác động xấu về môi trường do hoạt động sản xuất kinh tế gây ra.

Tuy nhiên, việc đánh giá hiệu quả của công tác này sau khi Luật BVMT năm 2014 được áp dụng cũng như những thay đổi về cơ chế quản lý chất thải rắn nguy hại trong KCN được cập nhật tại Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 chưa được kiểm chứng do mới được ban hành cũng là một thách thức đối với cơ quan quản lý trong việc hợp lý hóa các quy trình và tăng cường các quy định ràng buộc đối với các chủ thể liên quan. Một số vấn đề khác như trách nhiệm bảo vệ môi trường nhằm thực hiện quyền được sống trong môi trường trong lành, không ô nhiễm đã được đề cập trong Hiến pháp; hay việc áp dụng các chế tài hành chính, hình sự đối với hành vi vi phạm; trách nhiệm của các bên liên quan trong quy trình xử lý chất thải rắn nguy hại trong KCN hiện nay cũng là những yêu cầu trong hoàn thiện pháp luật về xử lý chất thải rắn nguy hại trong KCN, đòi hỏi trong thời gian tới cần có những quy định nhằm siết chặt công tác quản lý này.